

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **341/2022/HS-ST**
Ngày 06/12/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng và ông Nguyễn Ngọc Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Sim - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 06/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 334/2022/HSST ngày 15/11/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 349/2022/QĐXXST-HS ngày 24/11/2022, đối với bị cáo:

Phạm Văn C ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 2000, tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông Phạm Văn H, con bà Nguyễn Thị X; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ tại Trại giam công an tỉnh Đắk Lắk từ ngày 28/6/2022 đến ngày 07/7/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay – Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Huỳnh Thị Mỹ H - địa chỉ: Số 01 đường 10/3, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(Vắng mặt)

+ Anh Phạm Ngọc C - địa chỉ: Số 45 đường Lê Thị R, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Chị Lê Thị Thùy D - địa chỉ: Số 40 đường S, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Chị Bùi Hương G - địa chỉ: Số 122/18 đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(Vắng mặt)

+ Chị Lương Thị H - địa chỉ: Số 86 đường H, phường T, thành phố B,

tỉnh Đắk Lắk.(Vắng mặt).

+ Chị Mai Thị Hằng L - địa chỉ: Số 138/1/63 đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk .(Vắng mặt).

+ Chị Đỗ Thị Thanh M - địa chỉ: Số 318 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk .(Vắng mặt).

+ Chị Phạm Thị Hồng P - địa chỉ: Số 11B, đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk .(Vắng mặt).

+ Anh Đỗ Đình T - địa chỉ: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

+ Anh Hoàng Thế S - địa chỉ: Thôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(Vắng mặt).

+ Chị Huỳnh Thị Kim T – địa chỉ: Số 49 đường P, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(Vắng mặt).

+ Chị Trần Thúy A - địa chỉ: Số 174 đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(Vắng mặt).

+ Chị Trần Thị Thanh T - địa chỉ: Số 174 đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(Vắng mặt).

+ Chị Phạm Thị Thu T - địa chỉ: Số nhà 15, thôn 3, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(Vắng mặt).

+ Chị Phạm Thị Ngọc Y - địa chỉ: Số 08 đường 10/3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(Vắng mặt).

+ Anh Lê Anh Đ - địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.(Vắng mặt).

+ Anh Hồ Thị Hiếu K - địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn C vay của Lê Anh Đ số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 1.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Sau khi có tiền, Phạm Văn C vào tỉnh Đắk Lắk để hoạt động cho vay lãi nặng. Khi mới vào Đắk Lắk, thì C sống chung với Hoàng Thế T *(đã bị khởi tố về tội cho vay lãi nặng ở vụ án khác)*. Sống cùng với Thuấn được một thời gian và muốn tránh việc bị cơ quan chức năng phát hiện việc cho vay lãi nặng nên C chuyển qua ở tại Phòng 106, nhà nghỉ T, số 123 N, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Để tổ chức hoạt động cho vay tiền thì C đi rải tờ rơi trên các tuyến đường và đăng bài quảng cáo trên Facebook kèm theo số điện thoại 0363xxxxxx về nội dung cho vay tiền góp để người dân có nhu cầu vay tiền liên hệ, khi cho vay C đến nhà người vay để tìm hiểu thông tin về người vay như nhà cửa, giấy tờ tùy thân. Khi thấy người vay đủ điều kiện thì C chuyển khoản trực tiếp cho người vay thông qua tài khoản ngân hàng hoặc đưa tiền mặt. Hằng ngày, C tự đi thu tiền, yêu cầu người vay trả tiền bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng Quân đội MB số 0522205965 mang tên

“Phạm Văn C”, ngoài ra C còn yêu cầu chuyển tiền qua tài khoản Ngân hàng BIDV số 55810000253225 mang tên “Ho Thi Hieu K” và tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0161001757126 mang tên “Ho Thi Hieu K”. C cho vay dưới hình thức vay tiền trả góp hằng ngày, thời gian trả góp từ 21 ngày đến 25 ngày tùy từng người vay, khoản vay. Tiền lãi chia đều cho ngày vay, cộng vào tiền gốc trả theo ngày, thu phí theo từng khoản vay trên tổng số tiền vay.

Từ tháng 5/2022 đến tháng 6/2022 Phạm Văn C đã cho tổng cộng 15 người vay tiền với 34 lượt vay tiền, cụ thể như sau:

1. Chị Huỳnh Thị Mỹ H, sinh năm 1977, trú tại: số 01, đường 10/3, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk:

Ngày 24/5/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000đ, trong đó có 400.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), nên khi trả đủ là: $500.000\text{đồng} \times 25\text{ ngày} = 12.500.000\text{đồng}$. C thu tiền phí 5% là 500.000đồng. Chị H đã trả được 21 ngày nên C thu được 8.400.000đồng tiền gốc và 2.100.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 115.068đồng, thu lợi bất chính là: $(2.100.000\text{đồng} - 115.068\text{đồng}) + 500.000\text{đồng tiền phí} = \mathbf{2.484.932\text{đồng}}$.

2. Anh Phạm Ngọc C, sinh năm 1980, trú tại: 45 Lê Thị R, phường E, Thành Phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 03/6/2022, vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 1.200.000 đồng, trong đó có 952.380 đồng tiền gốc và 247.620đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ số tiền $1.200.000\text{ đồng} \times 21\text{ ngày} = 25.200.000\text{đồng}$. C thu tiền phí 5% là 1.000.000đồng. Anh C đã trả đủ nên C thu được 20.000.000đ tiền gốc và 5.200.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 230.137đồng, thu lợi bất chính là $(5.200.000\text{ đồng} - 230.137\text{đồng}) + 1.000.000\text{đồng tiền phí} = \mathbf{5.969.863\text{đồng}}$.

- Lần 2: Ngày 23/6/2022, vay số tiền 20.000.000đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 1.200.000đồng, trong đó có 952.380đồng tiền gốc và 247.620đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: $1.200.000\text{đồng} \times 21\text{ ngày} = 25.200.000\text{đồng}$. C thu tiền phí 5% là 1000.000đồng. Anh C đã trả được 02 ngày nên C thu được 1.905.000đồng tiền gốc và 495.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 21.918đồng, thu lợi bất chính là $(495.000\text{ đồng} - 21.918\text{ đồng}) + 1.000.000\text{ đồng tiền phí} = \mathbf{1.473.082\text{đồng}}$.

Tổng cộng số tiền bị cáo đã cho anh C vay là 40.000.000đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là: **7.442.945đồng**.

3. Chị Lê Thị Thùy D, sinh năm 1985, trú tại: 40 S, phường E, Thành Phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 03/6/2022, vay số tiền 10.000.000đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 600.000đồng, trong đó có 476.190đồng tiền gốc và 123.810đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: $600.000\text{đồng} \times 21\text{ngày} = 12.600.000\text{đồng}$. C thu tiền phí 6% là 600.000đồng.

Chị D đã trả đủ nên C thu được 10.000.000đồng tiền gốc và 2.600.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 115.068đồng, thu lợi bất chính là: (2.600.000đồng – 115.068đồng) + 600.000đồng tiền phí = **3.084.932đồng**.

Lần 2: Ngày 17/06/2022, vay số tiền 10.000.000đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 600.000đồng, trong đó có 476.190đồng tiền gốc và 123.810đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: 600.000 đồng x 21 ngày = 12.600.000đồng. C thu tiền phí 6% là 600.000đồng. Chị D đã trả đủ nên C thu được 10.000.000đồng tiền gốc và 2.600.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 115.068đồng, thu lợi bất chính là: (2.600.000 đồng – 115.068 đồng) + 600.000đồng tiền phí = **3.084.932đồng**.

Tổng cộng số tiền C đã cho chị Dương vay là 20.000.000đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là: **6.169.864đồng**.

4. Chị Bùi Hương G, sinh năm 1991, trú tại: 122/18 M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 03 lần cụ thể:

- Lần 1: Ngày 27/5/2022, vay số tiền 10.000.000đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 600.000đồng, trong đó có 476.190đồng tiền gốc và 123.810đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: 600.000đồng x 21 ngày = 12.600.000đồng. C thu tiền phí 6% là 600.000đồng. Chị G đã trả đủ nên C thu được 10.000.000đồng tiền gốc và 2.600.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 115.068đồng, thu lợi bất chính là: (2.600.000đồng - 115.068đồng) + 600.000đồng tiền phí = **3.084.932đồng**.

- Lần 2: Ngày 6/6/2022, vay số tiền là 10.000.000đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 600.000đồng, trong đó có 476.190đồng tiền gốc và 123.810đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: 600.000đồng x 21 ngày = 12.600.000 đồng. C thu tiền phí 6% là 600.000đồng. Chị G đã trả đủ nên C thu được 10.000.000đồng tiền gốc và 2.600.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 115.068đồng, thu lợi bất chính là: (2.600.000đồng - 115.068đồng) + 600.000đồng tiền phí = **3.084.932đồng**.

- Lần 3: Ngày 16/6/2022, vay số tiền 10.000.000đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 600.000đồng, trong đó có 476.190đồng tiền gốc và 123.810đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: 600.000đồng x 21 ngày = 12.600.000đồng. C thu tiền phí 6% là 600.000đồng. Chị G đã trả được 11 ngày nên C thu được 5.238.000đồng tiền gốc và 1.362.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 602.74đồng, thu lợi bất chính là: (1.362.000đồng – 60.274đồng) + 600.000đồng tiền phí = **1.901.726đồng**.

Tổng cộng số tiền C đã cho Chị G vay là 30.000.000đồng, tổng số tiền đã thu lợi bất chính là: **8.071.590đồng**.

5. Chị Lương Thị H, sinh năm 1962, trú tại: 86 H, phường T, thành Phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 25/5/2022, vay số tiền là 5.000.000đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 300.000đồng, trong đó có 238.096đồng tiền gốc và 61.904đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: $300.000\text{đồng} \times 21 \text{ ngày} = 6.300.000\text{đồng}$. C thu tiền phí 6% là 300.000đồng. Chị H đã trả đủ nên C thu được 5.000.000đồng tiền gốc và 1.300.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 57.534đồng, thu lợi bất chính là: $(1.300.000\text{đồng} - 57.534\text{đồng}) + 300.000\text{đồng tiền phí} = \mathbf{1.542.466\text{đồng}}$.

- Lần 2: Ngày 6/6/2022 vay số tiền là 5.000.000đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 300.000đồng, trong đó có 238.096đồng tiền gốc và 61.904đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: $300.000\text{đồng} \times 21\text{ngày} = 6.300.000\text{đồng}$. C thu tiền phí 6% là 300.000đồng. Chị H đã trả được 06 ngày nên C thu được 1.429.000đồng tiền gốc và 371.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 16.438đồng, thu lợi bất chính là: $(371.000\text{đồng} - 16.438\text{đồng}) + 300.000\text{đồng tiền phí} = \mathbf{654.562\text{đồng}}$.

Tổng cộng số tiền C đã cho chị H vay là 10.000.000đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là: **2.197.028đồng**.

6. Chị Mai Thị Hằng L, sinh năm 1985, trú tại: 138/1/63 Y, phường E, thành Phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 03 lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 28/5/2022, vay số tiền 10.000.000đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 600.000đồng, trong đó có 476.190đồng tiền gốc và 123.810đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: $600.000\text{đồng} \times 21 \text{ ngày} = 12.600.000 \text{ đồng}$. C thu tiền phí 6% là 600.000đồng. Chị Ly đã trả đủ nên C thu được 10.000.000đồng tiền gốc và 2.600.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 115.068đồng, thu lợi bất chính là: $(2.600.000\text{đồng} - 115.068\text{đồng}) + 600.000\text{đồng tiền phí} = \mathbf{3.084.932\text{đồng}}$.

- Lần 2: Ngày 09/6/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 600.000 đồng, trong đó có 476.190đồng tiền gốc và 123.810 đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: $600.000\text{đồng} \times 21 \text{ ngày} = 12.600.000\text{đồng}$. C thu tiền phí 6% là 600.000đồng, chị L đã trả đủ nên C thu được 10.000.000đồng tiền gốc và 2.600.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 115.068 đồng, thu lợi bất chính là: $(2.600.000\text{đồng} - 115.068\text{đồng}) + 600.000\text{đồng tiền phí} = \mathbf{3.084.932\text{đồng}}$.

- Lần 3: Ngày 21/6/2022 vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 600.000đồng, trong đó có 476.190đồng tiền gốc và 123.810 đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: $600.000\text{đồng} \times 21 \text{ ngày} = 12.600.000\text{đồng}$. C thu tiền phí 6% là 600.000đồng, chị L đã trả được 05 ngày nên C thu được 2.381.000đồng tiền gốc và 619.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 27.397đồng, thu lợi bất chính là: $(619.000\text{đồng} - 27.397\text{đồng}) + 600.000\text{đồng tiền phí} = \mathbf{1.191.603\text{đồng}}$.

Tổng cộng số tiền C đã cho chị L vay là 30.000.000đồng, tổng số tiền đã thu lợi bất chính là: **7.361.467đồng**.

7. Chị Đỗ Thị Thanh M, sinh năm 1979, trú tại: 318 N, phường T, thành Phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 03 lần cụ thể:

- Lần 1: Ngày 26/5/2022, vay số tiền 10.000.000đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 600.000đồng, trong đó có 476.190đồng tiền gốc và 123.810đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: $600.000 \text{ đồng} \times 21 \text{ ngày} = 12.600.000\text{đồng}$. C thu tiền phí 6% là 600.000đồng. Chị M đã trả đủ nên C thu được 10.000.000đồng tiền gốc và 2.600.000đồng tiền lãi, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 115.068đồng, thu lợi bất chính là: $(2.600.000\text{đồng} - 115.068\text{đồng}) + 600.000\text{đồng tiền phí} = \mathbf{3.084.932\text{đồng}}$.

- Lần 2: Ngày 6/6/2022, vay số tiền 10.000.000đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 600.000đồng, trong đó có 476.190đồng tiền gốc và 123.810đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: $600.000\text{đồng} \times 21\text{ngày} = 12.600.000\text{đồng}$. C thu tiền phí 6% là 600.000đồng, Chị M đã trả đủ nên C thu được 10.000.000đồng tiền gốc và 2.600.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 115.068đồng, thu lợi bất chính là: $(2.600.000\text{đồng} - 115.068\text{đồng}) + 600.000\text{đồng tiền phí} = \mathbf{3.084.932\text{đồng}}$.

- Lần 3: Ngày 15/6/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 600.000đồng, trong đó có 476.190đồng tiền gốc và 123.810đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: $600.000 \text{ đồng} \times 21 \text{ ngày} = 12.600.000 \text{ đồng}$, C thu tiền phí 6% là 600.000đ. Chị M đã trả được 08 ngày nên C thu được 3.810.000đồng tiền gốc và 990.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 43.836đồng, thu lợi bất chính là: $(990.000 \text{ đồng} - 43.836 \text{ đồng}) + 600.000\text{đồng tiền phí} = \mathbf{1.546.164\text{đồng}}$.

Tổng cộng số tiền C đã cho Chị M vay là 30.000.000đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là: **7.716.028đồng**.

8. Chị Phạm Thị Hồng P, sinh năm 1980, trú tại: 11B Y, phường T, thành Phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 03 lần cụ thể:

- Lần 1: Ngày 26/5/2022, vay số tiền 10.000.000đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 600.000đồng, trong đó có 476.190đồng tiền gốc và 123.810đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: $600.000\text{đồng} \times 21 \text{ ngày} = 12.600.000\text{đồng}$. C thu tiền phí 5% là 500.000đồng. Chị P đã trả đủ nên C thu được 10.000.000đồng tiền gốc và 2.600.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 115.068đồng, thu lợi bất chính là: $(2.600.000\text{đồng} - 115.068 \text{ đồng}) + 500.000\text{đồng tiền phí} = \mathbf{2.984.932\text{đồng}}$.

- Lần 2: Ngày 04/6/2022, vay số tiền 10.000.000đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 600.000đồng, trong đó có 476.190đồng tiền gốc và 123.810đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: $600.000\text{đồng} \times 21 \text{ ngày} = 12.600.000 \text{ đồng}$. C thu tiền phí 5% là 500.000đồng, Chị P đã trả đủ nên C thu được 10.000.000đồng tiền gốc và 2.600.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là

115.068đồng, thu lợi bất chính là: $(2.600.000\text{đồng} - 115.068\text{đồng}) + 500.000\text{đồng tiền phí} = \mathbf{2.984.932\text{đồng}}$.

- Lần 3: Ngày 22/6/2022, vay số tiền 10.000.000đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 600.000đồng, trong đó có 476.190đồng tiền gốc và 123.810đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: $600.000\text{đồng} \times 21 \text{ ngày} = 12.600.000\text{đồng}$, C thu tiền phí 5% là 500.000đồng. Chị P đã trả được 02 ngày nên C thu được 952.000đồng tiền gốc và 248.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 10.959đồng, thu lợi bất chính là: $(248.000\text{đồng} - 10.959\text{đồng}) + 500.000\text{đồng tiền phí} = \mathbf{737.041\text{đồng}}$.

Tổng cộng số tiền C đã cho chị Phúc vay là 30.000.000đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là: **6.706.905 đồng**.

9. Anh Đỗ Đình T sinh năm 1993, trú tại: thôn Phước T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 01/6/2022, vay số tiền là 15.000.000đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 900.000đồng, trong đó có 714.286đồng tiền gốc và 185.714đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: $900.000\text{đồng} \times 21 \text{ ngày} = 18.900.000\text{đồng}$, C thu tiền phí 6% là 900.000đồng. Anh T đã trả đủ nên C thu được 15.000.000đồng tiền gốc và 3.900.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 172.603đồng, thu lợi bất chính là: $(3.900.000\text{đồng} - 172.603\text{đồng}) + 900.000\text{đồng tiền phí} = \mathbf{4.627.397\text{đồng}}$.

- Lần 2: Ngày 14/6/2022, vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 900.000đồng, trong đó có 714.286 đồng tiền gốc và 185.714đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: $900.000 \text{ đồng} \times 21 \text{ ngày} = 18.900.000\text{đồng}$. C thu tiền phí 6% là 900.000 đồng. Anh T đã trả được 13 ngày nên C thu được 9.286.000đồng tiền gốc và 2.414.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 106.849đồng, thu lợi bất chính là: $(2.414.000\text{đồng} - 106.849\text{đồng}) + 900.000\text{đồng tiền phí} = \mathbf{3.207.151\text{đồng}}$.

Tổng cộng số tiền C đã cho anh T vay là 30.000.000đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là: **7.834.548đồng**.

10. Anh Hoàng Thế S, sinh năm 1983, trú tại: Thôn Tân H, xã E, Thành Phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần cụ thể:

- Lần 1: Ngày 01/6/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 300.000 đồng, trong đó có 238.096 đồng tiền gốc và 61.904đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: $300.000\text{đồng} \times 21 \text{ ngày} = 6.300.000\text{đồng}$. C thu tiền phí 6% là 300.000đồng. Anh Sơn đã trả đủ nên C thu được 5.000.000đồng tiền gốc và 1.300.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 57.534đồng, thu lợi bất chính là: $(1.300.000\text{đồng} - 57.534\text{đồng}) + 300.000\text{đồng tiền phí} = \mathbf{1.542.466 \text{ đồng}}$.

- Lần 2: Ngày 19/6/2022, vay số tiền 5.000.000đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 300.000 đồng, trong đó có 238.096 đồng tiền gốc và 61.904 đồng

tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: $300.000\text{đồng} \times 21 \text{ ngày} = 6.300.000\text{đồng}$, C thu tiền phí 6% là 300.000đồng. Anh Sơn đã trả được 05 ngày nên C thu được 1.190.000đồng tiền gốc và 310.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 136.99đồng, thu lợi bất chính là: $(310.000\text{đồng} - 13.699\text{đồng}) + 300.000\text{đồng tiền phí} = \mathbf{596.301\text{đồng}}$.

Tổng cộng số tiền C đã cho anh Sơn vay 10.000.000đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính của Anh S là: **2.138.767đồng**.

11. Chị Huỳnh Thị Kim T, sinh năm: 1984, trú tại: 49 P, phường K, thành Phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 03 lần, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 28/5/2022, vay số tiền 5.000.000đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 300.000đồng, trong đó có 238.096đồng tiền gốc và 61.904đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: $300.000\text{đồng} \times 21 \text{ ngày} = 6.300.000\text{đồng}$, C thu tiền phí 6% là 300.000đồng. Chị T đã trả đủ nên C thu được 5.000.000đồng tiền gốc và 1.300.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 57.534đồng, thu lợi bất chính là: $(1.300.000\text{đồng} - 57.534\text{đồng}) + 300.000\text{đồng tiền phí} = \mathbf{1.542.466\text{đồng}}$.

- Lần 2: Ngày 8/6/2022, vay số tiền 5.000.000đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 300.000đồng, trong đó có 238.096đồng tiền gốc và 61.904đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: $300.000\text{đồng} \times 21\text{ngày} = 6.300.000\text{đồng}$, C thu tiền phí 6% là 300.000đồng. Chị T đã trả đủ nên C thu được 5.000.000đồng tiền gốc và 1.300.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 57.534 đồng, thu lợi bất chính là: $(1.300.000\text{đồng} - 57.534\text{đồng}) + 300.000\text{đồng tiền phí} = \mathbf{1.542.466\text{đồng}}$.

- Lần 3: Ngày 18/6/2022, vay số tiền 5.000.000đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 300.000đồng, trong đó có 238.096đồng tiền gốc và 61.904đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: $300.000\text{đồng} \times 21 \text{ ngày} = 6.300.000\text{đồng}$, C thu tiền phí 6% là 300.000đồng. Chị Thủy đã trả được 07 ngày nên C thu được 1.667.000đồng tiền gốc và 433.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 19.178đồng, thu lợi bất chính là: $(433.000 \text{ đồng} - 19.178 \text{ đồng}) + 300.000 \text{ đồng tiền phí} = \mathbf{713.822\text{đồng}}$. Tổng cộng số tiền C đã cho chị Thủy vay 15.000.000 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là: **3.798.754đồng**.

12. Chị Trần Thúy A, sinh năm: 1978, trú tại: 174 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 03 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 28/5/2022, vay số tiền 10.000.000đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 600.000 đồng, trong đó có 476.190đồng tiền gốc và 123.810đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: $600.000\text{đồng} \times 21 \text{ ngày} = 12.600.000\text{đồng}$, C thu tiền phí 6% là 600.000đồng. Chị Thúy A đã trả đủ nên C thu được 10.000.000đồng tiền gốc và 2.600.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 115.068đồng, thu lợi bất chính là: $(2.600.000\text{đồng} - 115.068\text{đồng}) + 600.000\text{đồng tiền phí} = \mathbf{3.084.932\text{đồng}}$.

- Lần 2: Ngày 08/6/2022, vay số tiền 10.000.000đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 600.000đồng, trong đó có 476.190đồng tiền gốc và 123.810đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là:

$600.000\text{đồng} \times 21 \text{ ngày} = 12.600.000\text{đồng}$, C thu tiền phí 6% là 600.000đồng. Chị Thúy Anh đã trả đủ nên C thu được 10.000.000đồng tiền gốc và 2.600.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 115.068đồng, thu lợi bất chính là: $(2.600.000\text{đồng} - 115.068\text{đồng}) + 600.000\text{đồng}$ tiền phí = **3.084.932đồng**.

- Lần 3: Ngày 21/6/2022, vay số tiền 10.000.000đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 600.000đồng, trong đó có 476.190 đồng tiền gốc và 123.810 đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: $600.000\text{đồng} \times 21 \text{ ngày} = 12.600.000\text{đồng}$, C thu tiền phí 6% là 600.000đồng. Chị Thúy A đã trả được 10 ngày nên C thu được 4.762.000đồng tiền gốc và 1.238.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 54.795 đồng, thu lợi bất chính là: $(1.238.000\text{đồng} - 54.795\text{đồng}) + 600.000 \text{ đồng}$ tiền phí = **1.783.205đồng**.

Tổng cộng số tiền C đã cho chị Thúy vay là 30.000.000đồng, tổng số tiền đã thu lợi bất chính là: **7.953.069đồng**.

13. Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm: 1987, trú tại: 174 Q , phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 03/6/2022, vay số tiền 10.000.000đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 600.000đồng, trong đó có 476.190đồng tiền gốc và 123.810đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: $600.000\text{đồng} \times 21\text{ngày} = 12.600.000\text{đồng}$, C thu tiền phí 6% là 600.000đồng. Chị T đã trả đủ nên C thu được 10.000.000đồng tiền gốc và 2.600.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 115.068đồng, thu lợi bất chính là: $(2.600.000 \text{ đồng} - 115.068\text{đồng}) + 600.000 \text{ đồng}$ tiền phí = **3.084.932đồng**.

- Lần 2: Ngày 14/6/2022, vay số tiền 10.000.000đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 600.000đồng, trong đó có 476.190đồng tiền gốc và 123.810 đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: $600.000\text{đồng} \times 21 \text{ ngày} = 12.600.000\text{đồng}$, C thu tiền phí 6% là 600.000đồng. Chị Thảo đã trả được 13 ngày nên C thu được 6.190.000đồng tiền gốc và 1.610.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 71.233đồng, thu lợi bất chính là: $(1.610.000\text{đồng} - 71.233\text{đồng}) + 600.000\text{đồng}$ tiền phí = **2.138.767đồng**.

Tổng cộng số tiền C đã cho chị T vay là 20.000.000đồng, tổng số tiền đã thu lợi bất chính là: **5.223.699đồng**.

14. Chị Phạm Thị Thu T, sinh năm: 1985, trú tại: Số nhà 15, thôn 3, xã H thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 26/5/2022, vay số tiền 5.000.000đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 300.000đồng, trong đó có 238.096đồng tiền gốc và 61.904 đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: $300.000\text{đồng} \times 21 \text{ ngày} = 6.300.000\text{đồng}$, C thu tiền phí 6% là 300.000đồng. Chị T đã trả đủ nên C thu được 5.000.000đồng tiền gốc và 1.300.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 57.534đồng, thu lợi bất chính là: $(1.300.000\text{đồng} - 57.534\text{đồng}) + 300.000\text{đồng}$ tiền phí = **1.542.466đồng**.

- Lần 2: Ngày 14/6/2022, vay số tiền 5.000.000đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày trả 300.000đồng, trong đó có 238.096đồng tiền gốc và 61.904đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: 300.000đồng x 21 ngày = 6.300.000đồng, C thu tiền phí 6% là 300.000đồng. Chị Trang đã trả được 18 ngày nên C thu được 4.286.000đồng tiền gốc và 1.114.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 49.315đồng, thu lợi bất chính là: (1.114.000đồng - 49.315đồng) + 300.000đồng tiền phí = **1.364.685đồng**.

Tổng cộng số tiền C đã cho vay là 10.000.000đồng, tổng số tiền đã thu lợi bất chính là: **2.907.151đồng**.

15. Chị Phạm Thị Ngọc Y, sinh năm: 1986, trú tại: Số 08 đường 10/3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk:

Ngày 26/5/2022, vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp 21 ngày, mỗi ngày trả 300.000đồng, trong đó có 238.096đồng tiền gốc và 61.904đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 451.9%/năm), nên khi trả đủ là: 300.000đồng x 21 ngày = 6.300.000đồng, C thu tiền phí 6% là 300.000đồng. Chị Yến đã trả đủ 21 ngày nên C thu được 5.000.000đồng tiền gốc và 1.300.000đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 57.534đồng, thu lợi bất chính là: (1.300.000đồng - 57.534đồng) + 300.000đồng tiền phí = **1.542.466đồng**.

Như vậy, Phạm Văn C đã cho tổng cộng 15 người vay với 34 lượt vay, tổng số tiền cho vay là 320.000.000đồng, tổng tiền lãi đã thu là 64.005.000đồng, tổng số tiền phí vay đã thu là 18.400.000đồng, tổng lãi suất được nhà nước cho phép là 2.854.795đ, tổng số tiền thu lợi bất chính là 79.549.213đồng

- Ngày 25/6/2022, CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Văn C tại Phòng 106, nhà nghỉ Tây nguyên, số 123 Nguyễn Trãi, thị trấn Ea T, huyện C, tỉnh Đắk Nông thu giữ những đồ vật, tài liệu, giấy tờ sau:

+ 01 Điện thoại NoKia màu xanh có gắn 01 thẻ sim mạng Viettel của Phạm Văn C ;

+ 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Thanh T ;

+ 01 thẻ căn cước công dân mang tên Đỗ Đình T;

+ 01 thẻ nhân viên cụm vụ bốn mang tên Đỗ Đình T

+ 01 thẻ căn cước công dân mang tên Hoàng Thế S;

+ 01 giấy khai sinh bản chính mang tên Trương Lê Phương Q;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, biển kiểm soát: 43K1-xxxxx;

+ 03 điện thoại di động Nokia màu đen (trong đó 01 cái bị hư hỏng của Phạm Văn C , 01 cái của Lê Văn T, 01 cái của Hoàng Thế T).

- Ngày 25/6/2022, Phạm Văn C giao nộp các đồ vật, tài liệu:

+ 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thanh H (bản phô tô);

+ 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 021386 mang tên Nguyễn Thanh H, biển kiểm soát: 43K1-xxxxx;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, gắn sim mạng Vietnammobile.

Tại bản Cáo trạng số: 140/CT-VKS-HS ngày 11/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Phạm Văn C về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nói trên.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã luận tội, phân tích, chứng minh các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C mức án từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo từ 40.000.000đồng đến 50.000.000đồng để sung Ngân sách nhà nước.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, Điều 47 và Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Chấp nhận ngày 25/6/2022, CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk đã trả lại 01 điện thoại Nokia màu đen (đã bị hư hỏng) cho Phạm Văn C .

- Chấp nhận ngày 27/10/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp gồm:

- + Trả lại cho chị Trần Thị Thanh T : 01 Giấy chứng minh nhân dân số: 2408....., mang tên Trần Thị Thanh T .

- + Trả lại cho anh Đỗ Đình T 01 thẻ căn cước công dân số: 0660930xxxx mang tên anh Đỗ Đình T và 01 thẻ nhân viên cụm Vụ Bôn mang tên Đỗ Đình T , mã nhân viên: TL.KRP51.

- + Trả lại cho anh Hoàng Thế S 01 thẻ căn cước công dân số: 0340830xxxxx mang tên Hoàng Thế S..

- + Trả lại cho chị Lê Thị Thùy D 01 giấy khai sinh bản chính mang tên Trương Lê Phương Q..

- Đối với 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 021386 mang tên Nguyễn Thanh H., biển kiểm soát: 43K1- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, Biển kiểm soát: 43K1-xxxxxx; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, gắn sim mạng Vietnammobile; 01 Điện thoại NoKia, gắn 01 sim mạng Viettel. Đây là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thanh H (bản phô tô) tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi và tiền phí) mà bị cáo Phạm Văn C đã thu từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để trả lại cho những người sau:

Chị Huỳnh Thị Mỹ H : số tiền là 2.484.932đồng (Hai triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn chín trăm ba hai đồng); Anh Phạm Ngọc C : số tiền là 7.442.945đồng (Bảy triệu bốn trăm bốn hai ngàn chín trăm bốn lăm đồng); Chị Lê Thị Thùy D : số tiền là 6.169.864đồng (Sáu triệu một trăm sáu mươi chín ngàn tám trăm sáu bốn đồng); Chị Bùi Hương G : số tiền là 8.071.590đồng (Tám triệu không trăm bảy một ngàn năm trăm chín đồng); Chị Lương Thị H : số tiền là 2.197.028đồng (Hai triệu một trăm chín bảy ngàn không trăm hai tám đồng); Chị Mai Thị Hằng L : số tiền là 7.361.467đồng (Bảy triệu ba trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm sáu bảy đồng); Chị Đỗ Thị Thanh M : số tiền là 7.716.028 đồng (Bảy triệu bảy trăm mười sáu ngàn không trăm hai tám đồng); Chị Phạm Thị Hồng P : số tiền là 6.706.905 đồng (Sáu triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn chín trăm lẻ năm đồng); Anh Đỗ Đình T : số tiền là 7.834.548đồng (Bảy triệu tám trăm ba tư ngàn năm trăm bốn tám đồng); Anh Hoàng Thế S: số tiền là 2.138.767đồng (Hai triệu một trăm ba mươi tám ngàn bảy trăm sáu bảy đồng); Chị Huỳnh Thị Kim T : số tiền là 3.798.754đồng (Ba triệu bảy trăm chín tám ngàn bảy trăm năm tư đồng); Chị Trần Thúy A : số tiền là 7.953.069đồng (Bảy triệu chín trăm năm mươi ba ngàn không trăm sáu mươi chín đồng); Chị Trần Thị Thanh T : số tiền là 5.223.699đồng (Năm triệu hai trăm hai mươi ba ngàn sáu trăm chín mươi chín đồng); Chị Phạm Thị Thu T: số tiền là 2.907.151đồng (Hai triệu chín trăm lẻ bảy ngàn một trăm năm mươi một đồng); Chị Phạm Thị Ngọc Y: số tiền là 1.542.466 đồng (Một triệu năm trăm bốn hai ngàn bốn trăm sáu sáu đồng).

Tổng cộng: 79.549.213đồng (Bảy mươi chín triệu năm trăm bốn chín ngàn hai trăm mười ba đồng).

- Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền gốc và tiền lãi (20%/năm) không vượt quá lãi suất quy định mà bị cáo Phạm Văn C đã thu được từ những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, tổng cộng số tiền: 249.350.787đồng (Hai trăm bốn chín triệu ba trăm năm mươi ngàn bảy trăm tám bảy đồng), cụ thể:

1. Chị Huỳnh Thị Mỹ H số tiền 8.400.000đồng tiền gốc và 115.068đồng tiền lãi theo quy định. Vậy số tiền truy thu là 8.400.000đồng + 115.068đồng = 8.515.068đồng (Tám triệu năm trăm mười lăm ngàn không trăm sáu tám đồng);

2. Anh Phạm Ngọc C số tiền 21.905.000đồng tiền gốc và 252.055đồng tiền lãi theo quy định. Vậy số tiền truy thu là 21.905.000đồng + 252.055đồng = 22.157.055đồng (Hai hai triệu một trăm năm bảy ngàn không trăm năm lăm đồng);

3. Chị Lê Thị Thùy D số tiền 20.000.000đồng tiền gốc và 230.136đồng tiền lãi theo quy định. Vậy số tiền truy thu là 20.000.000đồng + 230.136đồng = 20.230.136đồng (Hai mươi triệu hai trăm ba mươi ngàn một trăm ba sáu đồng);

4. Chị Bùi Hương G số tiền 25.238.000đồng tiền gốc và 290.410đồng tiền lãi theo quy định. Vậy số tiền truy thu là 25.238.000đồng + 290.410đồng = 25.528.410đồng (Hai lăm triệu năm trăm hai tám ngàn bốn trăm mười đồng);

5. Chị Lương Thị H số tiền 6.429.000đồng tiền gốc và 73.972đồng tiền lãi theo quy định. Vậy số tiền truy thu là 6.429.000đồng + 73.972đồng = 6.502.972đồng (Sáu triệu năm trăm lẻ hai ngàn chín trăm bảy hai đồng);

6. Chị Mai Thị Hằng L số tiền 22.381.000đồng tiền gốc và 257.533đồng tiền lãi theo quy định. Vậy số tiền truy thu là $22.381.000\text{đồng} + 257.533\text{đồng} = 22.638.533\text{đồng}$ (Hai mươi hai triệu sáu trăm ba tám ngàn năm trăm ba mươi ba đồng);

7. Chị Đỗ Thị Thanh M số tiền 23.810.000đồng tiền gốc và 273.972đồng tiền lãi theo quy định. Vậy số tiền truy thu là $23.810.000\text{đồng} + 273.972\text{đồng} = 24.083.972\text{đồng}$ (Hai bốn triệu không trăm tám ba ngàn chín trăm bảy hai đồng);

8. Chị Phạm Thị Hồng P số tiền 20.952.000đồng tiền gốc và 241.095đồng tiền lãi theo quy định. Vậy số tiền truy thu là $20.952.000\text{đồng} + 241.095\text{đồng} = 21.193.095\text{đồng}$ (Hai một triệu một trăm chín ba ngàn không trăm chín lăm đồng); Anh Đỗ Đình T số tiền 24.286.000đồng tiền gốc và 279.452đồng tiền lãi theo quy định. Vậy số tiền truy thu là $24.286.000\text{đồng} + 279.452\text{đồng} = 24.565.452\text{đồng}$ (Hai bốn triệu năm trăm sáu lăm ngàn bốn trăm năm hai đồng); Anh Hoàng Thế S số tiền 6.190.000đồng tiền gốc và 71.233đồng tiền lãi theo quy định. Vậy số tiền truy thu là $6.190.000\text{đồng} + 71.233\text{đồng} = 6.261.233\text{đồng}$ (Sáu triệu hai trăm sáu một ngàn hai trăm ba mươi ba đồng); Chị Huỳnh Thị Kim T số tiền 11.667.000đồng tiền gốc và 134.246đồng tiền lãi theo quy định. Vậy số tiền truy thu là $11.667.000\text{đồng} + 134.246\text{đồng} = 11.801.246\text{đồng}$ (Mười một triệu tám trăm lẻ một ngàn hai trăm bốn sáu đồng); Chị Trần Thúy A số tiền 24.762.000đồng tiền gốc và 284.931đồng tiền lãi theo quy định. Vậy số tiền truy thu là $24.762.000\text{đồng} + 284.931\text{đồng} = 25.046.931\text{đồng}$ (Hai lăm triệu không trăm bốn sáu ngàn chín trăm ba một đồng); Chị Trần Thị Thanh T, số tiền 16.190.000 đồng tiền gốc và 186.301đồng tiền lãi theo quy định. Vậy số tiền truy thu là $16.190.000\text{đồng} + 186.301\text{đồng} = 16.376.301\text{đồng}$ (Mười sáu triệu ba trăm bảy sáu ngàn ba trăm lẻ một đồng); Chị Phạm Thị Thu T, số tiền 9.286.000đồng tiền gốc và 106.849đồng tiền lãi theo quy định. Vậy số tiền truy thu là $9.286.000\text{đồng} + 106.849\text{đồng} = 9.392.849\text{đồng}$ (Chín triệu ba trăm chín hai ngàn tám trăm bốn chín đồng); Chị Phạm Thị Ngọc Y số tiền 5.000.000đồng tiền gốc và 57.534đồng tiền lãi theo quy định. Vậy số tiền truy thu là $5.000.000\text{đồng} + 57.534\text{đồng} = 5.057.534\text{đồng}$ (Năm triệu không trăm năm bảy ngàn năm trăm ba tư đồng);

- Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền nợ gốc mà người vay chưa trả cho bị cáo Phạm Văn C, tổng cộng: 73.504.000đồng (Bảy mươi ba triệu năm trăm lẻ bốn ngàn đồng). cụ thể:

1. Chị Huỳnh Thị Mỹ H số tiền là 1.600.000đồng (Một triệu sáu trăm ngàn đồng);

2. Anh Phạm Ngọc C số tiền là 18.095.000đồng (Mười tám triệu không trăm chín lăm ngàn đồng);

3. Chị Bùi Hương G số tiền là 4.762.000đồng (Bốn triệu bảy trăm sáu hai ngàn đồng);

4. Chị Lương Thị H số tiền là 3.571.000đồng (Ba triệu năm trăm bảy một ngàn đồng);

5. Chị Mai Thị Hằng L số tiền là 7.619.000đồng (Bảy triệu sáu trăm mười chín ngàn đồng);

6. Chị Đỗ Thị Thanh M số tiền là 6.190.000đồng (Sáu triệu một trăm chín mươi ngàn đồng);

7. Chị Phạm Thị Hồng P số tiền là 9.048.000đồng (Chín triệu không trăm bốn tám ngàn đồng);

8. Anh Đỗ Đình T số tiền là 5.714.000đồng (Năm triệu bảy trăm mười bốn ngàn đồng);

9. Anh Hoàng Thế S số tiền là 3.810.000đồng (Ba triệu tám trăm mười ngàn đồng);

10. Chị Huỳnh Thị Kim T số tiền là 3.333.000đồng (Ba triệu ba trăm ba ba ngàn đồng);

11. Chị Trần Thúy A số tiền là 5.238.000đồng (Năm triệu hai trăm ba tám ngàn đồng);

12. Chị Trần Thị Thanh T số tiền là 3.810.000đồng (Ba triệu tám trăm mười ngàn đồng);

13. Chị Phạm Thị Thu T số tiền là 714.000đồng (Bảy trăm mười bốn ngàn đồng);

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện các quyết định điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, người liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo Cáo trạng số: 140/CT-VKS-HS ngày 11/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Qua đó có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2022 đến tháng 6/2022, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk bị cáo Phạm Văn C đã dùng số tiền gốc là 320.000.000đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng) cho 15 người vay tiền với lãi suất từ 365%/năm đến 451.9%/năm cao gấp 18,25 lần đến 22,59 lần để thu lợi bất chính số tiền là 79.549.213đồng (Bảy mươi chín triệu năm trăm bốn chín ngàn hai trăm mười ba đồng) thì bị phát hiện xử lý. Hành vi của bị cáo Phạm Văn C đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự;

Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

[3] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quản lý nhà nước trong hoạt động tín dụng mà còn mang tính chất bóc lột, gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần áp dụng mức hình phạt phù hợp tương ứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nhằm cải tạo, giáo dục riêng đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự Hội đồng xét xử thấy cần thiết xử phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo số tiền 50.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[6] Về việc khấu trừ một phần thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Bộ luật hình sự: Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo.

[7] Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; -

- Chấp nhận ngày 25/6/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã trả lại 01 điện thoại Nokia màu đen (đã bị hư hỏng) cho Phạm Văn

C vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Ngày 27/10/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp những tài sản gồm:

- Trả lại cho chị Trần Thị Thanh T 01 Giấy chứng minh nhân dân số: 240832390, mang tên Trần Thị Thanh T .

- Trả lại cho anh Đỗ Đình T 01 thẻ căn cước công dân số: 066093008598, mang tên Đỗ Đình T và 01 (một) thẻ nhân viên cụm vụ bồn mang tên Đỗ Đình T , mã nhân viên: TL.KRP51.

- Trả lại cho anh Hoàng Thế S 01 thẻ căn cước công dân số: 034083021520, mang tên Hoàng Thế S.

- Trả lại cho chị Lê Thị Thùy D 01 giấy khai sinh bản chính mang tên Trương Lê Phương Quỳnh.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, số máy: JA36E0012774, số khung: RLHJA3617EY501611, màu sơn đen xám, dung tích xi lanh 109, biển

kiểm soát: 43K1-xxxxx, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 021386 mang tên Nguyễn Thanh H, biển kiểm soát: 43K1-xxxxx. Quá trình điều tra xác định: Vào năm 2015 anh Hùng đã bán chiếc xe trên cho một người đàn ông không rõ nhân thân. Đầu năm 2022 bị cáo C mua chiếc xe trên tại 01 tiệm sửa chữa xe máy (không rõ tên) tại thành phố Đà Nẵng nhưng chưa sang tên và bị cáo sử dụng chiếc xe vào mục đích hoạt động cho vay nặng lãi. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, gắn sim mạng Vietnammobile và 01 Điện thoại NoKia, gắn 01 sim mạng Viettel là của bị cáo C sử dụng vào mục đích phạm tội. Đây là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thanh H (bản photo) lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

- Đối với số tiền: 79.549.213đồng (Bảy mươi chín triệu năm trăm bốn chín ngàn hai trăm mười ba đồng) là tiền thu lợi bất chính (bao gồm tiền lãi vượt quá 20%/năm và tiền phí) mà bị cáo đã thu từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên cần buộc bị cáo phải trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể, trả lại cho:

1. Chị Huỳnh Thị Mỹ H : số tiền là **2.484.932đồng** (Hai triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn chín trăm ba hai đồng);

2. Anh Phạm Ngọc C : số tiền là **7.442.945đồng** (Bảy triệu bốn trăm bốn hai ngàn chín trăm bốn lăm đồng);

3. Chị Lê Thị Thùy D : số tiền là **6.169.864đồng** (Sáu triệu một trăm sáu mươi chín ngàn tám trăm sáu bốn đồng);

4. Chị Bùi Hương G : số tiền là **8.071.590đồng** (Tám triệu không trăm bảy một ngàn năm trăm chín đồng);

5. Chị Lương Thị H : số tiền là **2.197.028đồng** (Hai triệu một trăm chín bảy ngàn không trăm hai tám đồng);

6. Chị Mai Thị Hằng L : số tiền là **7.361.467đồng** (Bảy triệu ba trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm sáu bảy đồng);

7. Chị Đỗ Thị Thanh M : số tiền là **7.716.028đồng** (Bảy triệu bảy trăm mười sáu ngàn không trăm hai tám đồng);

8. Chị Phạm Thị Hồng P : số tiền là **6.706.905đồng** (Sáu triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn chín trăm lẻ năm đồng);

9. Anh Đỗ Đình T : số tiền là **7.834.548đồng** (Bảy triệu tám trăm ba tư ngàn năm trăm bốn tám đồng);

10. Anh Hoàng Thế S: số tiền là **2.138.767đồng** (Hai triệu một trăm ba mươi tám ngàn bảy trăm sáu bảy đồng);

11. Chị Huỳnh Thị Kim T : số tiền là **3.798.754đồng** (Ba triệu bảy trăm chín tám ngàn bảy trăm năm tư đồng);

12. Chị Trần Thúy A : số tiền là **7.953.069đồng** (Bảy triệu chín trăm năm mươi ba ngàn không trăm sáu mươi chín đồng);

13. Chị Trần Thị Thanh T : số tiền là **5.223.699đồng** (Năm triệu hai trăm hai mươi ba ngàn sáu trăm chín mươi chín đồng);

14. Chị Phạm Thị Thu T: số tiền là **2.907.151đồng** (Hai triệu chín trăm lẻ bảy ngàn một trăm năm mươi một đồng);

15. Chị Phạm Thị Ngọc Y: số tiền là **1.542.466đồng** (Một triệu năm trăm bốn hai ngàn bốn trăm sáu sáu đồng).

- Đối với số tiền 249.350.787đồng (số tiền gốc và tiền lãi (20%/năm, không vượt quá lãi suất quy định) mà bị cáo đã thu được từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên cần truy thu của bị cáo Phạm Văn C để sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền nợ gốc mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vay của bị cáo C nhưng chưa trả lại cho bị cáo nên cần truy thu để sung Ngân sách Nhà nước, cụ thể truy thu của:

1. Chị Huỳnh Thị Mỹ H số tiền là **1.600.000đồng** (Một triệu sáu trăm ngàn đồng);

2. Anh Phạm Ngọc C số tiền là **18.095.000đồng** (Mười tám triệu không trăm chín lăm ngàn đồng);

3. Chị Bùi Hương G số tiền là **4.762.000đồng** (Bốn triệu bảy trăm sáu hai ngàn đồng);

4. Chị Lương Thị H số tiền là **3.571.000đồng** (Ba triệu năm trăm bảy một ngàn đồng);

5. Chị Mai Thị Hằng L số tiền là **7.619.000đồng** (Bảy triệu sáu trăm mười chín ngàn đồng);

6. Chị Đỗ Thị Thanh M số tiền là **6.190.000đồng** (Sáu triệu một trăm chín mươi ngàn đồng);

7. Chị Phạm Thị Hồng P số tiền là **9.048.000đồng** (Chín triệu không trăm bốn tám ngàn đồng);

8. Anh Đỗ Đình T số tiền là **5.714.000đ** (Năm triệu bảy trăm mười bốn ngàn đồng);

9. Anh Hoàng Thế S số tiền là **3.810.000đồng** (Ba triệu tám trăm mười ngàn đồng);

10. Chị Huỳnh Thị Kim T số tiền là **3.333.000đồng** (Ba triệu ba trăm ba ba ngàn đồng);

11. Chị Trần Thúy A số tiền là **5.238.000đồng** (Năm triệu hai trăm ba tám ngàn đồng);

12. Chị Trần Thị Thanh T số tiền là **3.810.000đồng** (Ba triệu tám trăm mười ngàn đồng);

13. Chị Phạm Thị Thu T số tiền là **714.000đồng** (Bảy trăm mười bốn ngàn đồng);

[8] Đối với các hành vi và đối tượng khác liên quan trong vụ án:

- Đối với Lê Anh Đ là người cho bị cáo Phạm Văn C mượn số tiền 100 triệu đồng. Tuy nhiên, Đức không biết mục đích mượn tiền của bị cáo C, đồng thời Đức cho mượn tiền với lãi suất 1.000đ/1.000.000đ/01 ngày, ngoài ra Đức không giúp sức hay hưởng lợi gì từ hoạt động cho vay của bị cáo nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk không đề cập xử lý là phù hợp.

- Đối với bà Hồ Thị Hiếu K là người đứng tên 02 tài khoản ngân hàng mà bị cáo Phạm Văn C đưa cho người vay để chuyển tiền vào. Quá trình điều tra xác định, 02 tài khoản ngân hàng trên do Lê Anh Đ sử dụng và Đ đưa số tài khoản cho C để C chuyển trả tiền nợ cho Đ Chị K không sử dụng và không biết các

giao dịch tài chính liên quan đến 02 tài khoản ngân hàng nêu trên. Vì vậy, Công an tỉnh Đắk Lắk không đề cập xử lý là phù hợp.

- Đối với anh Nguyễn Thanh H là người đứng tên sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, biển số 43K1-209.66, là phương tiện mà bị cáo Phạm Văn C sử dụng thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra xác định anh Hùng đã bán cho người đàn ông thu mua xe máy cũ (không rõ nhân thân lai lịch). Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk không đề cập xử lý là có căn cứ.

[9]. Về án phí Hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 201 Bộ luật hình sự;

[1] **Tuyên bố:** Bị cáo Phạm Văn C phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

[2] Về hình phạt chính:

Áp dụng Điều 36, khoản 1 Điều 201, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C 02 năm cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 28/6/2022 đến ngày 06/7/2022.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Q , huyện Q, tỉnh Thanh Hóa nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm Văn C cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự;

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn C số tiền 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[4] Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Truy thu của bị cáo Phạm Văn C số tiền 249.350.787đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

- Truy thu, sung Ngân sách Nhà nước số tiền nợ gốc của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vay của bị cáo C nhưng chưa trả, cụ thể truy thu của:

1. Chị Huỳnh Thị Mỹ H số tiền là **1.600.000đồng** (Một triệu sáu trăm ngàn đồng);

2. Anh Phạm Ngọc C số tiền là **18.095.000đồng** (Mười tám triệu không trăm chín lăm ngàn đồng);

3. Chị Bùi Hương G số tiền là **4.762.000đồng** (Bốn triệu bảy trăm sáu hai ngàn đồng);

4. Chị Lương Thị H số tiền là **3.571.000đồng** (Ba triệu năm trăm bảy một ngàn đồng);

5. Chị Mai Thị Hằng L số tiền là **7.619.000đồng** (Bảy triệu sáu trăm mười chín ngàn đồng);

6. Chị Đỗ Thị Thanh M số tiền là **6.190.000đồng** (Sáu triệu một trăm chín mươi ngàn đồng);

7. Chị Phạm Thị Hồng P số tiền là **9.048.000đồng** (Chín triệu không trăm bốn tám ngàn đồng);

8. Anh Đỗ Đình T số tiền là **5.714.000đ** (Năm triệu bảy trăm mười bốn ngàn đồng);

9. Anh Hoàng Thế S số tiền là **3.810.000đồng** (Ba triệu tám trăm mười ngàn đồng);

10. Chị Huỳnh Thị Kim T số tiền là **3.333.000đồng** (Ba triệu ba trăm ba ba ngàn đồng);

11. Chị Trần Thúy A số tiền là **5.238.000đồng** (Năm triệu hai trăm ba tám ngàn đồng);

12. Chị Trần Thị Thanh T số tiền là **3.810.000đồng** (Ba triệu tám trăm mười ngàn đồng);

13. Chị Phạm Thị Thu T số tiền là **714.000đồng** (Bảy trăm mười bốn ngàn đồng);

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, số máy: JA36E0012774, số khung: RLHJA3617EY501611, màu sơn đen xám, dung tích xi lanh 109, biển kiểm soát: 43K1-xxxxx; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 021386 mang tên Nguyễn Thanh H, biển kiểm soát: 43K1-xxxxx; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, gắn sim mạng Vietnammobile và 01 Điện thoại NoKia, gắn 01 sim mạng Viettel của bị cáo Phạm Văn C, đây là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Buộc bị cáo Phạm Văn C phải trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, số tiền thu lợi bất chính, cụ thể trả cho:

1. Chị Huỳnh Thị Mỹ H : số tiền là **2.484.932đồng** (Hai triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn chín trăm ba hai đồng);

2. Anh Phạm Ngọc C : số tiền là **7.442.945đồng** (Bảy triệu bốn trăm bốn hai ngàn chín trăm bốn lăm đồng);

3. Chị Lê Thị Thùy D : số tiền là **6.169.864đồng** (Sáu triệu một trăm sáu mươi chín ngàn tám trăm sáu bốn đồng);

4. Chị Bùi Hương G : số tiền là **8.071.590đồng** (Tám triệu không trăm bảy một ngàn năm trăm chín đồng);

5. Chị Lương Thị H : số tiền là **2.197.028đồng** (Hai triệu một trăm chín bảy ngàn không trăm hai tám đồng);

6. Chị Mai Thị Hằng L : số tiền là **7.361.467đồng** (Bảy triệu ba trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm sáu bảy đồng);

7. Chị Đỗ Thị Thanh M : số tiền là **7.716.028đồng** (Bảy triệu bảy trăm mười sáu ngàn không trăm hai tám đồng);

8. Chị Phạm Thị Hồng P : số tiền là **6.706.905đồng** (Sáu triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn chín trăm lẻ năm đồng);

9. Anh Đỗ Đình T : số tiền là **7.834.548đồng** (Bảy triệu tám trăm ba tư ngàn năm trăm bốn tám đồng);

10. Anh Hoàng Thế S: số tiền là **2.138.767đồng** (Hai triệu một trăm ba mươi tám ngàn bảy trăm sáu bảy đồng);

11. Chị Huỳnh Thị Kim T : số tiền là **3.798.754đồng** (Ba triệu bảy trăm chín tám ngàn bảy trăm năm tư đồng);

12. Chị Trần Thúy A : số tiền là **7.953.069đồng** (Bảy triệu chín trăm năm mươi ba ngàn không trăm sáu mươi chín đồng);

13. Chị Trần Thị Thanh T : số tiền là **5.223.699đồng** (Năm triệu hai trăm hai mươi ba ngàn sáu trăm chín mươi chín đồng);

14. Chị Phạm Thị Thu T: số tiền là **2.907.151đồng** (Hai triệu chín trăm lẻ bảy ngàn một trăm năm mươi một đồng);

15. Chị Phạm Thị Ngọc Y: số tiền là **1.542.466đồng** (Một triệu năm trăm bốn hai ngàn bốn trăm sáu sáu đồng).

- Lưu trữ trong hồ sơ vụ án 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thanh H (bản phô tô)

(Các vật chứng, tài sản có đặc điểm như trong biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản, ngày 11/11/2022 giữa Công an tỉnh Đắk Lắk và Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột).

[5] Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Phạm Văn C phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk; VKSND TP. BMT;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. Buôn Ma Thuột;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- THA phạt tù TP. Buôn Ma Thuật;
- Bị cáo, các đương sự; Lưu HS+ VP

Lê Thị Mai